

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản
đăng ký thu hồi trong phạm vi diện tích thực hiện Dự án thi công giai đoạn 1
- Dự án Cụm Công nghiệp Cẩm Châu tại xã Cẩm Vân, tỉnh Thanh Hóa
của Công ty cổ phần Điện năng lượng tái tạo Toàn Cầu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản; số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT;

Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 02/01/2026 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Giấy xác nhận số 228/XN-UBND ngày 04/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về đăng ký thu hồi khoáng sản trong phạm vi thực hiện dự án thi công giai đoạn 1 - Cụm Công nghiệp Cẩm Châu tại xã Cẩm Vân, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 692/TTr-SNNMT ngày 11/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản đăng ký thu hồi trong phạm vi diện tích thực hiện Dự án thi công giai đoạn 1 - Dự án Cụm Công nghiệp Cẩm Châu tại xã Cẩm Vân, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Điện năng lượng tái tạo Toàn Cầu, như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty cổ phần Điện năng lượng tái tạo Toàn Cầu.

- Địa chỉ: Phòng 401, tòa nhà Hà Thành, số 102 phố Thái Thịnh, phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

- Mã số thuế: 2802455189.

2. Các thông số tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt:

a) Khối lượng khoáng sản tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (ở trạng thái tự nhiên):

- Đất làm vật liệu san lấp là: $Q_1 = 1.273.523 \text{ m}^3$.

- Đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường là: $Q_2 = 1.475.256 \text{ m}^3$.

- Đất sét làm gạch tuynel là: $Q_3 = 340.199 \text{ m}^3$.

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

- $G_1 = G_{tn} \times K_{qd} = 49.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,29 = 63.210 \text{ đồng/m}^3$ đối với đất làm vật liệu san lấp.

- $G_2 = G_{tn} \times K_{qd} = 70.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,475 = 103.250 \text{ đồng/m}^3$ đối với đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường.

- $G_3 = G_{tn} \times K_{qd} = 120.000 \text{ đồng/m}^3 \times 1,29 = 154.800 \text{ đồng/m}^3$ đối với đất sét làm gạch tuynel.

c) Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

- $R_1 = 3\%$ đối với các loại vật liệu xây dựng thông thường còn lại (trừ nguyên liệu sản xuất cát nghiền).

- $R_2 = 5\%$ đối với sét gạch ngói.

3. Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp là:

a) Đối với khối lượng đất làm vật liệu san lấp: $T_1 = Q_1 \times G_1 \times R_1 = 1.273.523 \text{ m}^3 \times 63.210 \text{ đồng/m}^3 \times 3\% = 2.414.981.665 \text{ đồng}$.

b) Đối với khối lượng đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường: $T_2 = Q_2 \times G_2 \times R_1 = 1.475.256 \text{ m}^3 \times 103.250 \text{ đồng/m}^3 \times 3\% = 4.569.605.460 \text{ đồng}$.

c) Đối với khối lượng đất sét làm gạch tuynel: $T_3 = Q_3 \times G_3 \times R_2 = 340.199 \text{ m}^3 \times 154.800 \text{ đồng/m}^3 \times 5\% = 2.633.140.260 \text{ đồng}$.

d) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp là:

$T = T_1 + T_2 + T_3 = 9.617.727.385 \text{ đồng}$ (Chín tỷ, sáu trăm mười bảy triệu, bảy trăm hai mươi bảy nghìn, ba trăm tám mươi lăm đồng).

4. Số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là: 02 lần.

5. Số tiền nộp hàng năm: $T_{hn} = 4.808.863.692 \text{ đồng/năm}$.

6. Thời gian nộp tiền bắt đầu từ năm 2026 đến năm 2027.

Thời hạn nộp tiền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan khác về tính chính xác của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định.

- Tham mưu điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) đối với Công ty cổ phần Điện năng lượng tái tạo Toàn Cầu.

2. Thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo đến Công ty cổ phần Điện năng lượng tái tạo Toàn Cầu về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Công ty cổ phần Điện năng lượng tái tạo Toàn Cầu nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách nhà nước theo quy định; kê khai, báo cáo, thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện; trường hợp khi có hướng dẫn, yêu cầu khác của các Bộ, ngành Trung ương và các cơ quan có thẩm quyền hoặc trong quá trình thực hiện, nếu cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan liên quan có ý kiến về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, nghĩa vụ thuế, Công ty cổ phần Điện năng lượng tái tạo Toàn Cầu phải chấp hành nộp bổ sung đầy đủ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền thuế theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND xã Cẩm Vân; Giám đốc Công ty cổ phần Điện năng lượng tái tạo Toàn Cầu; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN, KTTC_{VN46370}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Hùng